

THUỞ NIÊN THIẾU CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRƯỚC KHI RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

► 19/05/1890

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, tại làng Hoàng Trù, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan.



● 1890 - 1895

Người sống trong sự chăm sóc đầy tình yêu thương của gia đình, đặc biệt là ông bà ngoại.

● 1895 - 1901

Người theo gia đình vào sống ở Huế.

● 1890 - 1895

Sau khi thân mẫu qua đời. Người theo cha trở về Nghệ An, rồi lấy tên Nguyễn Tất Thành.

● 1906 – 6/1909

Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha trở lại Huế, lần lượt học trường Pháp – Việt, Quốc học Huế.



► 06/1909 – 08/1910

Người theo cha vào Bình Định.



Huyện đường Bình Khê

● 8/1910 – 2/1911

Nguyễn Tất Thành dạy học tại trường Dục Thanh, Phan Thiết.



● 2/1911

Người vào Sài Gòn.



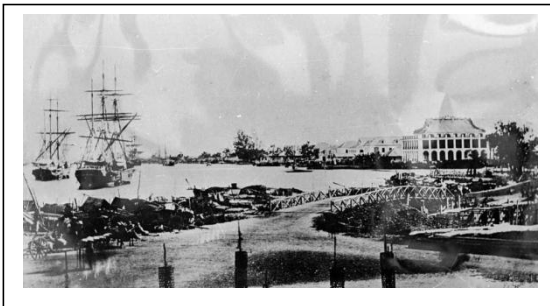
Nhà ông Lê Văn Đạt, nơi Bác ở lúc mới vào SG.

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

GIẢI ĐOẠN 1911 - 1920

► 5/6/1911

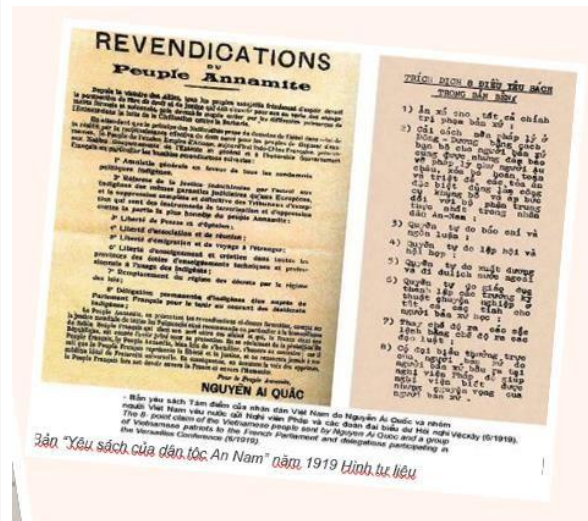
Người rời cảng Nhà Rồng đi Pháp, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước với tên Văn Ba.



Bến Nhà Rồng, nơi người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước năm 1911.

● 1912 - 1917

Nguyễn Tất Thành đi qua một số nước Châu Phi, Châu Mỹ, Châu Âu rồi trở lại Pháp cuối năm 1917.



● 1919

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp, tháng 6/1919 thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp gửi bản yêu sách tới Hội nghị Versailles (Pháp).

● 7/1920

Người đọc được Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

● 12/1920

Người tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam.



QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

GIẢI ĐOẠN 1921 - 1930

► 1921 – 6/1923

Người thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo người cùng khổ ...



● 7/1923 – 10/1924

Người tham gia các hoạt động của Quốc tế cộng sản; hoàn thành tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp; học tập tại trường Đại học phương Đông...

● 6/1925

Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên.

● 1927

Người xuất bản sách Đường Kách mệnh, kim chỉ nam cho đường lối Cách mạng Việt Nam.



Tranh của học sĩ Phi Hoanh

● 6/1 – 7/2/1930

Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc)

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

GIẢI ĐOẠN 1930 - 1945

► 1930 - 1941

Tuy hoạt động ở nước ngoài nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn chỉ đạo sát sao phong trào cách mạng trong nước.

● 28/1/1941

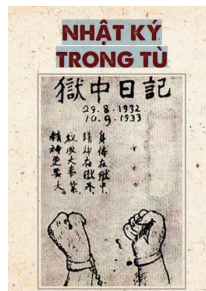
Nguyễn Ái Quốc trở về nước (tại cột mốc 108 thuộc xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng)



● 10 – 19/5/1941

Người chủ trì Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương, xác định đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Minh, sáng lập Báo Việt Nam Độc Lập...

● 8/1942 – 9/1943



Hồ Chí Minh bị chính quyền của Tưởng Giới Thạch bắt giam trong các nhà lao của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

Trong thời gian này Bác viết Nhật ký trong tù.

● 9/1944

Hồ Chí Minh trở về căn cứ Cao Bằng.

● 12/1944

Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

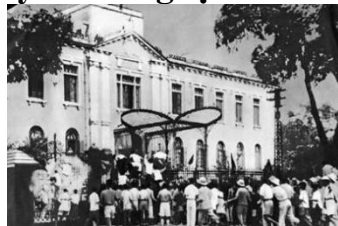


► 5/1945

Tại Tân Trào (Tuyên Quang), theo đề nghị của Người, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân đã họp quyết định Tổng khởi nghĩa. Đại hội Quốc dân đã bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

● 8/1945

Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.



● 2/9/1945

Tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Người đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.



QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

GIẢI ĐOẠN 1945 - 1954

► 1945 - 1946

Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân đưa cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”; Tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam.

● 3/11/1946 – 1955

Người làm Chủ tịch nước kiêm Thủ tướng Chính phủ (từ tháng 11/1946 – đến tháng 9/1955) và kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao.

● 1951

Tại Đại hội lần thứ II, Người được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam.

● 1954

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.



QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

GIẢI ĐOẠN 1954 - 1969

► 1954 - 1969



Bác Hồ với đồng bào chiến sĩ miền Nam

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thống nhất đất nước. Trong thời gian này, Người là Chủ tịch Đảng, được Quốc hội khóa II, III bầu là Chủ tịch nước.

.

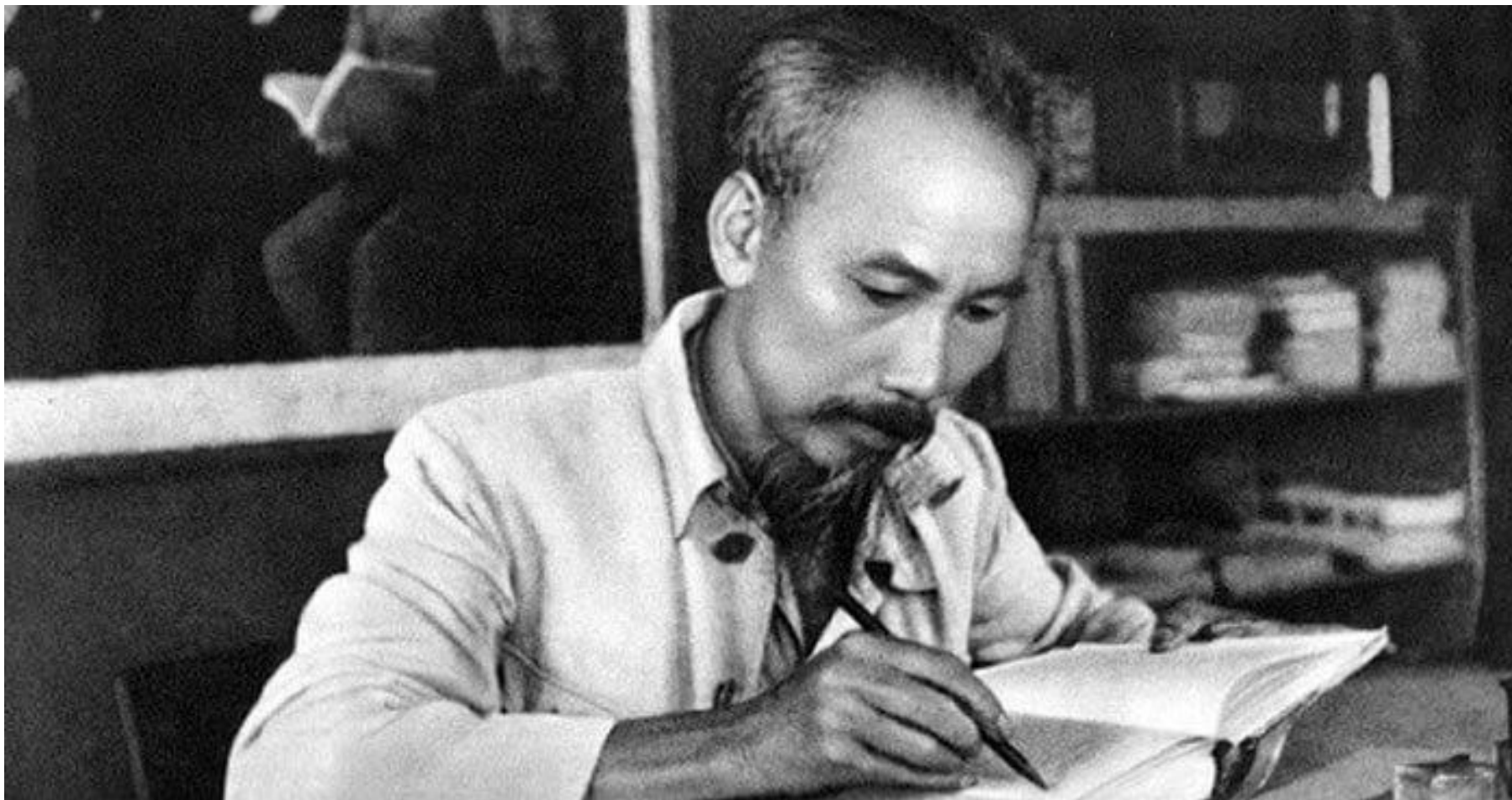
● 2/9/1969

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời là tổn thất vô cùng lớn lao. Đồng bào và chiến sĩ cả nước thương nhớ Người khôn xiết.



Từ cụ già đến các em nhỏ đều đã òa khóc tiếc thương trước sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta và vì hòa bình, tiến bộ xã hội trên thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi là tấm gương sáng ngời cho lớp lớp thế hệ người Việt Nam học tập và noi theo. Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ còn mãi với non sông đất nước, sống mãi trong lòng mỗi chúng ta.



Chủ tịch Hồ Chí Minh (tên lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, tên khi đi học là Nguyễn Tất Thành, khi hoạt động cách mạng trước đây lấy tên là Nguyễn Ái Quốc). Người sinh ngày 19/05/1890, tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (thường gọi là làng Trù) huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan. Người sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, ngay từ thuở nhỏ đã tiếp thu được truyền thống yêu nước, lòng nhân ái từ gia đình và quê hương đất nước. Trong thời gian 10 năm sống ở Huế - trung tâm văn hóa, chính trị của đất nước, Người tiếp xúc với nhiều sách báo Pháp, với nền văn hóa mới và những bàn luận về các phong trào chống Pháp của các sĩ phu yêu nước.



Ngôi nhà của cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc - thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn. Ngôi nhà tranh giản dị, ẩn dưới bóng mát những hàng cau và biết bao cây lá xanh rì này là nơi mà vị Chủ tịch muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam đã sống những năm tháng ấu thơ. Ảnh: Lê Thắng



TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ ĐẦU THẾ KỈ XX

Nơi Nguyễn Tất Thành đã học tập trong những năm 1907 - 1908

Trong thời gian học tại Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc nhiều với sách báo Pháp. Các thầy giáo của Trường Quốc học Huế có người Pháp và cả người Việt Nam, cũng có những người yêu nước như thầy Hoàng Thông, thầy Lê Văn Miến. Chính nhờ ảnh hưởng của các thầy giáo yêu nước và sách báo tiến bộ mà Người được tiếp xúc, ý muốn đi sang phương Tây tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi những thành tựu của văn minh nhân loại.

Sống trong hoàn cảnh đất nước chìm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, Người đã chứng kiến sự đối lập giữa cuộc sống lao động nghèo khổ của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phê phỡn của bọn thực dân Pháp. Người đã thấy được những cuộc biểu tình chống sưu thuế của nông dân bị đàn áp dã man và sự thất bại của các phong trào yêu nước.

Theo Người, muốn cứu nước phải tìm ra một con đường cách mạng mới. Có thể nói, tình yêu quê hương, đất nước và gia đình đã hình thành nên người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước cứu dân và thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự cường của dân tộc. Với một ý chí nghị lực phi thường, Người đã quyết tâm tìm cách sang Pháp và các nước phương Tây, Người khẳng định: "Tôi muốn ra nước ngoài xem, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta". Người cho rằng dân tộc Việt Nam đang là một dân tộc mất quyền độc lập và nhiệm vụ của những người Việt Nam yêu nước là phải đấu tranh giành lại quyền độc lập.



Cù Nguyễn Sinh Sắc



Bà Hoàng Thị Loan

Thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh



Truyền thống gia đình



Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nghèo có truyền thống nho học nguồn gốc nông dân rất coi trọng đạo đức truyền thống, học vấn và phương pháp giáo dục con cái. Các thành viên trong gia đình từ ông bà ngoại, bố mẹ, gì cháu, anh chị em đều gần bó, đùm bọc, yêu thương nhau, hy sinh vì nhau và rất gần gũi, thân tình, đoàn kết với bà con lối xóm. Một gia đình không chỉ dạy con bằng lời nói mà bằng những việc làm, những tấm gương mẫu mực của cha mẹ, ông bà với con cháu, anh chị đối với em. Có thể nói gia đình chính là nhân tố đầu tiên hình thành nhân cách cao thượng, tình yêu quê hương đất nước của Bác sau này.



Ngày 05/6/1911 tại Bến cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn - Gia Định (Nay là thành phố Hồ Chí Minh) người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành khi đó mới vừa tròn 21 tuổi đã lên chiếc tàu mang tên Amiral La Touche De Tréville, lên đường sang Pháp với tên gọi Văn Ba để học hỏi những điều mà ông cho là "tinh hoa và tiên bộ" từ các nước phương Tây nhằm thực hiện công cuộc giải phóng Việt Nam khỏi ách thuộc địa của Thực dân Pháp.

Khi rời Bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm một con đường mới cho cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc, người thanh niên Nguyễn Tất Thành chỉ nung nấu một ý chí với quyết tâm cháy bỏng đó là: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”.

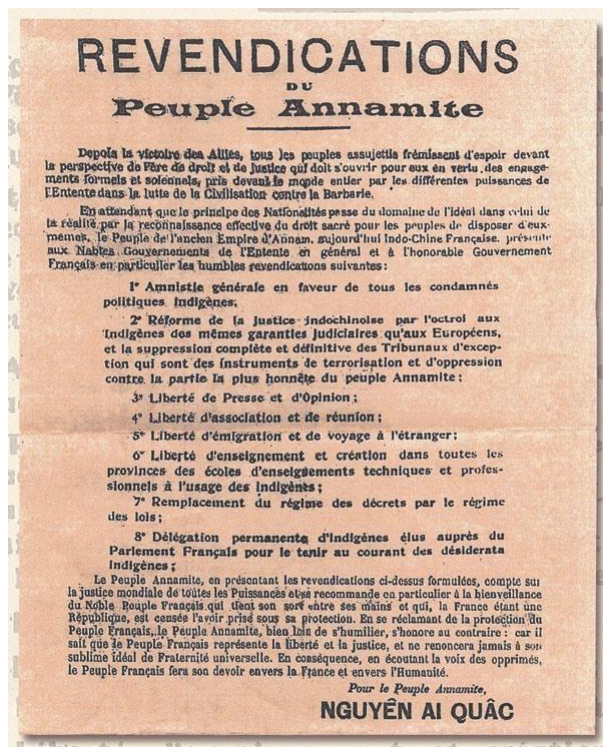
Nguyễn Ái Quốc đã đi qua gần 30 nước ở châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và Người đã rút ra kết luận là chủ nghĩa đế quốc, thực dân là cội nguồn của mọi đau khổ cho giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước chính quốc cũng như thuộc địa. Cũng từ đây, Người đã tìm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp cuối năm 1920 và đi đến kết luận quan trọng: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản và rằng “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức, bóc lột và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.



Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tours, Pháp, tháng 12-1920.

**Rất đông các nhà ngoại giao tụ tập ở
Phòng Kính trong cung điện**

**Versailles rộng lớn tại Hội nghị hòa bình
kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất,
năm 1919.**



Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Tất Thành cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* hay còn gọi là *Thỉnh nguyện thư của dân tộc An Nam* gửi tới Hội nghị Vecxay. Dưới bản Yêu sách, Người ký tên: NGUYỄN ÁI QUỐC. Bản *Yêu sách* gồm tám điểm:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;
3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;
4. Tự do *lập hội* và *hội hợp*;
5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;
6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;
7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*;
8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.



Năm 1921 tại Paris (Pháp), Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số nhà cách mạng châu Phi và Mỹ La tinh thành lập Hội liên hiệp thuộc địa với tuyên ngôn là đoàn kết, tổ chức nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh tự giải phóng. Sớm nhận rõ vai trò của báo chí, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với các đồng chí của mình thành lập cơ quan ngôn luận của Hội, đó là tờ báo lấy tên là Người cùng khổ (Le Paria).

Với vai trò là chủ bút kiêm chủ nhiệm, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc, Nguyễn Ái Quốc xứng đáng là linh hồn của báo và Hội liên hiệp thuộc địa. Công việc này đã giúp cho Người có nhiều kinh nghiệm để ba năm sau đó, năm 1925 Người ra tờ báo cách mạng đầu tiên của nước ta - Báo Thanh Niên.



Đường Kách mệnh (hay Đường cách mệnh, tên cuốn sách trên bản gốc được viết là "Đường Kách mệnh"[a]) là tác phẩm ghi lại những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc cho các lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu do Bộ tuyên truyền của "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" phát hành vào đầu năm 1927. Cuốn sách này đánh dấu cho sự truyền bá Chủ nghĩa Marx – Lenin vào Việt Nam những năm 20 của thế kỷ XX.

"*Đường Kách mệnh*" đã trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận cách mạng, làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối của cách mạng Việt Nam. Trở thành cuốn “cẩm nang” gối đầu giường của thế hệ cách mạng đầu tiên của Việt Nam, dưới ánh sáng của “*Đường Kách mệnh*”, lớp học trò đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đã về nước hoạt động, cùng với Người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, phát động, tổ chức, lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh, làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

90 năm đã trôi qua nhưng nhiều vấn đề có liên quan đến con đường, phương pháp cách mạng, xây dựng, tổ chức, đoàn kết các lực lượng cách mạng, về vai trò lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng vững mạnh, nhất là các chuẩn mực đạo đức của người cộng sản ... trong "*Đường Kách mệnh*" vẫn giữ nguyên tính thời sự trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.



Sau 30 năm xa Tổ quốc, ngày 28-1-1941 (mùng 2 Tết Nguyên đán năm Tân Tỵ), Bác Hồ qua cột mốc 108 biên giới Việt - Trung về Việt Nam. Nơi đây thuộc dãy núi cao được Bác đặt tên là núi Các Mác.

Dưới chân núi có hồ nước lớn trong xanh, nơi bắt đầu dòng suối chảy uốn quanh đổ xuống đồng bằng của bản Khuổi Nậm, Bác đặt tên là suối Lê-nin. Cột mốc 108 nằm trên núi cao cách chân núi chừng nghìn mét thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ngay trong tiết Xuân ấm áp của ngày đầu trở về Tổ quốc, Bác đã có cảm hứng với cảnh vật nơi này nên làm bài thơ đầu tiên tựa đề "Pác Bó hùng vĩ":

Non xa xa, nước xa xa
 Nào phải thênh thang mới gọi là
 Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
 Hai tay xây dựng một sơn hà.

Ở lưng chừng núi gần cột mốc 108 là hang Pác Bó, nơi Bác chọn làm chỗ ở ngay sau khi trở về nước. Dưới chân núi có chiếc bàn đá làm việc của Bác nằm bên cạnh đầu nguồn của suối Lê-nin. Chiếc bàn đá và cửa hang trên sườn núi nhìn xuống hồ nước trong xanh, thấy cá lội và bóng cây rừng, núi đá.

Sự kiện Bác Hồ trở về nước vào đầu năm 1941 là sự kiện lớn của lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước và dân tộc Việt Nam, đã làm thay đổi tình hình cách mạng trong nước. Đây là mốc lịch sử quan trọng dẫn tới cuộc cách mạng tháng Tám 1945 và ngày 2-9-1945, Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập tuyên bố sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.



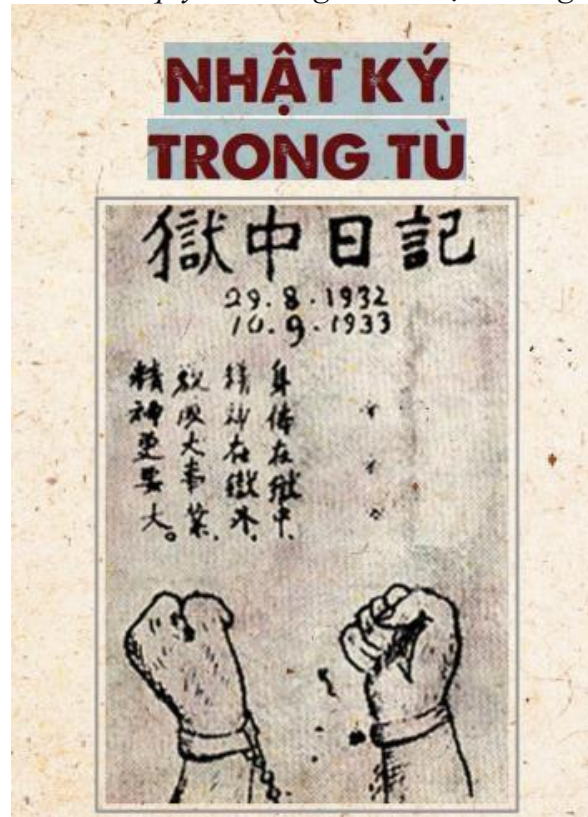
Hồ Chí Minh bị chính



Trụ sở xã Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), nơi chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ Hồ Chí Minh, tháng 8/1942

Vào ngày 13 tháng 8 năm 1942, từ Cao Bằng, với tên mới là Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc lên đường đi Trung Quốc với mục đích gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng lấy danh nghĩa là đại biểu của Việt Minh và Phân hội quốc tế phản xâm lược của Việt Nam đi gặp Tưởng Giới Thạch, để tranh thủ sự viện trợ của quốc tế, đồng thời để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt Nam và lực lượng Đồng minh. Khi đó đi có anh Lê Quảng Ba dẫn đường.

Đến ngày 27 tháng 8 năm 1942, sáng sớm, Hồ Chí Minh lên đường đi Bình Mã, có Dương Đào đi cùng để dẫn đường (Lê Quảng Ba ở lại nhà Từ Vĩ Tam), hai người đi đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Thiên Bảo, Quảng Tây, Trung Quốc) thì bị quân tuần canh ở trụ sở của Quốc dân Đảng bắt giữ.



Kể từ đó, Hồ Chí Minh bị giam giữ, đầy ải, chúng giải Người qua 18 nhà tù của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây (các nhà tù như: Thiên Bảo, Điền Đông, Quảng Đức, Quế Lâm...). “Hai tay Người bị trói, cổ mang dây xiềng, trước và sau có một tiểu đội cảnh sát, súng lấp đạn sẵn, lưỡi lê sáng lòe. Đến mỗi nhà tù mỗi huyện, nghỉ lại ít hôm rồi lại bị giải đi. Nhà tù thì chật hẹp bẩn thỉu, người bị giam thì đông, không đủ chỗ ngủ cho mọi người”. Chính trong thời gian bị giam giữ, Người đã sáng tác ra hơn 100 bài thơ viết bằng chữ Hán, đó là tập thơ “Ngục trung nhật ký” (Nhật ký trong tù) hiện nay được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Ngày 13 tháng 9 năm 1943, Người được thả tự do ở Liễu Châu và ngay lập tức Người đã bắt liên lạc được với Hội giải phóng Việt Nam, một bộ phận của Việt Minh tại Vân Nam (Trung Quốc) và nhiều tổ chức chống Nhật – Pháp tại đây. Sau đó tập thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh được tập hợp lại trong một cuốn sách đó là tác phẩm: “**Nhật ký trong tù**” gồm những những bài thơ của Người viết trong cảnh lao tù từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943 (theo sách “Nhật ký trong tù”, Nxb Chính trị Quốc gia).



Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam).

Hơn 7 thập kỉ qua đi, nhưng cái thời khắc vô cùng ý nghĩa của cả dân tộc Việt Nam, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, hình ảnh vị cha già của dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh cất lời tuyên bố đồng đặc với quốc dân và nhân dân thế giới, vẫn như vang vọng khắp không gian, khắc ghi sâu đậm trong tim mỗi người lời tuyên ngôn: *“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập! ...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”*. Đó là kết tinh những quyền lợi cơ bản và những nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc Việt Nam và nói lên tâm hồn trong sáng, khí phách hào hùng của nhân dân ta. Trong những năm qua nhân dân hợp sức, đồng lòng cùng với Đảng, Nhà nước ta tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa con tàu cách mạng Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn để vượt trùng khơi.



CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ - đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là chiến công lớn nhất, chói lọi nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). Chiến thắng này góp phần quyết định đập tan hoàn toàn dã tâm xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, kết thúc chiến tranh ở Đông Dương, mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, góp phần quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ mang tầm vóc thời đại, có ý nghĩa to lớn, là sự kết tinh của nhiều nhân tố, trong đó, quan trọng nhất là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, của ý chí quyết chiến, quyết thắng và sức mạnh của Quân đội nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; chấm dứt hoàn toàn ách xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước ta và các nước trên bán đảo Đông Dương; bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám năm 1945; mở ra giai đoạn cách mạng mới, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã làm tăng niềm tự hào dân tộc, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân một lòng, một dạ chiến đấu dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân.

Chiến thắng Điện Biên Phủ mang tầm vóc thời đại, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ của nhân loại. Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng một đòn chí mạng vào nền móng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đánh sập thành lũy của chủ nghĩa thực dân cũ ở vị trí xung yếu nhất, đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới; báo hiệu sự thất bại chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ cầm đầu. Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng chung của các nước trên bán đảo Đông Dương, chiến thắng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, trước hết được bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong suốt cả cuộc kháng chiến, nhất là ở những thời điểm có tính bước ngoặt quan trọng của cuộc chiến tranh, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nắm vững lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, phát động cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, xây dựng và sử dụng lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt; đánh địch bằng cả sức mạnh của thời đại ngày nay trong sự kết hợp chặt chẽ với kinh nghiệm truyền thống của dân tộc, của nhân loại; đánh địch bằng sức mình là chính, đồng thời tranh thủ tối đa sự ủng hộ mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa và bè bạn khắp 5 châu; chủ động tạo nên sự chuyển hóa căn bản về thế và lực, làm cho sức ta càng đánh càng mạnh và đẩy quân địch vào tình thế ngày càng khốn đốn, phải đầu hàng vô điều kiện.

Chiến thắng Điện Biên Phủ của dân tộc ta đã chứng minh một chân lý của thời đại: Các dân tộc bị áp bức, bị xâm lược nếu có ý chí kiên cường và đường lối đúng đắn, sáng tạo, biết đoàn kết đấu tranh vì độc lập tự do thì dân tộc đó nhất định thắng lợi. Chân lý đó đã thôi thúc và cổ vũ các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ La-tinh đứng lên đấu tranh tự giải phóng, thoát khỏi ách xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Chiến thắng này đã làm thay đổi cục diện thế giới, khẳng định sức mạnh chính nghĩa của Việt Nam, của Nhân dân yêu chuộng hòa bình, độc lập trên thế giới./



**Bác Hồ với các cháu dũng sĩ
miền Nam ra thăm miền Bắc
(13-2-1969).**



**Ngày 21-9-1954, Bác Hồ đã viết bức thư
thăm hỏi, động viên và căn dặn bộ đội,
cán bộ và các gia đình từ miền Nam
ruột thịt tập kết ra Bắc. Bức thư chưa
đầy 200 chữ nhưng chứa đựng tình cảm
sâu nặng và sự quan tâm sâu sắc của
Bác đối với đồng bào miền Nam.**

*Chủ tịch Hồ Chí Minh với các anh
hùng, dũng sĩ miền Nam ra thăm miền
Bắc ngày 28-2-1969.*



Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời vào hồi 9 giờ 47 phút sáng ngày 2 tháng 9 năm 1969, tức ngày 21 tháng 7 Âm lịch tại Thủ đô Hà Nội, Người hưởng thọ 79 tuổi. Do hoàn cảnh thời chiến, để tránh trùng với Ngày Quốc khánh của nước ta, ngày mất của Bác được Ban Lãnh đạo Đảng công bố là ngày 3 tháng 9, tuy nhiên, đến năm 1989, Bộ Chính trị ban chấp hành Trung ương Đảng đã công bố lại là ngày 2 tháng 9.



Bác mắt trong niềm tiếc
thương vô hạn của đồng bào cả
nước.

Dù trời mưa trút nước nhưng
hàng vạn người Việt Nam vẫn
không quản ngại đến dự lễ
tang của Người.

*Từ cụ già đến các em nhỏ đều
đã òa khóc tiếc thương trước
sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí
Minh - vị cha già kính yêu
của dân tộc Việt Nam.*

